

BẢN TIN

ÁI HỮU GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VINH NGHIÊM HẢI NGOẠI

Địa chỉ liên lạc : 5913 Colebrooke Lane - Louisville, KY. 40219-4115 - USA * Phone (502) 964-0585

Số : 04/96

Phật Lịch 2539 ngày 15-4-1996

Mục lục

<i>Nghĩ đến mai sau</i>	Tr. 1
Bản Tin	
<i>Tín tức</i>	2
Phúc Trung	
<i>Thử bàn về Kinh nghĩa</i>	3
Thanh Liên	
<i>Phân dư</i>	6
AHGĐPTVNH	
<i>Truyền bá Đạo Phật</i>	7
Phúc Trung	

NGHĨ ĐẾN MAI SAU

Gia Đình Phật Tử là một tổ chức Giáo Dục Phật Giáo, trải qua trên 50 năm, những Huynh Trưởng hay Đoàn sinh đều có quyền tự hào về tổ chức của mình, điều tự hào này hoàn toàn đúng đắn vì tổ chức Gia Đình Phật Tử có lịch sử còn lâu dài hơn Giáo Hội của mình, ngày nay phát triển trên toàn thế giới có trên 1000 đơn vị Gia Đình Phật Tử, hơn 27.600 Huynh Trưởng và 200.600 Đoàn sinh.

Hồi thời còn Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, Anh Nguyễn Văn Thục có gợi ý đưa Gia Đình Phật Tử thành 1 Tập đoàn và trở thành Tập Đoàn thứ bảy trong Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, nay ở Úc có Huynh Trưởng gợi ý lập thành Giáo Đoàn Gia Đình Phật Tử, đương nhiên là những ý kiến bộc phát vì sự lớn mạnh của tổ chức Gia Đình Phật Tử chúng ta.

Nhưng nhìn lại, trên 50 năm qua về vật chất, chúng ta đã để lại được gì ngoài một tượng đài Lục Hòa ở Hồ Than Thở Đà Lạt, Trại trường của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Đài ở khu đất trống, phía trước nhìn ra hồ bị che chắn bởi những cây thông già, phía sau là trục lộ giao thông, Đài xây thành một nền tròn, đường kính chừng 8 thước, cao 1 thước, xung quanh khắc tên những tỉnh ở Miền Nam từ Bến Hải đến Cà Mau có Gia Đình Phật Tử sinh hoạt, ở giữa nền là một đài hình tháp lục giác, chân tháp mỗi cạnh chừng 8 tấc, cao khoảng 4 thước, trên nhỏ lại, mỗi cạnh chừng 3 tấc, bên trên tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cao gần 2 thước, đứng nơi đây mới thấy được sự an tĩnh của tâm hồn, cảm nhận được trùng trùng Huynh Trưởng và Đoàn sinh quy tụ về đây ...ngoài những cây thông và tiếng thông reo theo từng cơn gió, không còn có gì nữa!

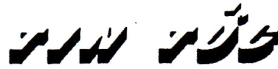
Nếu hoàn cảnh chưa cho phép ở Việt Nam, thì chốn hải ngoại này chúng ta cũng nên xây dựng một Trại trường, để làm nơi huấn luyện, tu học, xây dựng một Thư viện hay một Bảo Tàng Viện nơi đó tàng trữ những báo chí, những sản phẩm do chúng ta làm ra, những vật giá trị ghi lại từng chặng đường lịch sử để lại cho mai sau.

Với 6850 thành viên tại Hoa kỳ, mỗi người đóng góp \$10.00/năm, chúng ta có 68,500.00 có thể mua một khu đất, đặt nền tảng cho bước đầu.

Tôi vẫn cứ bị ám ảnh về một Trung tâm sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử chúng ta, và cứ thấy lẻ loi một mình.

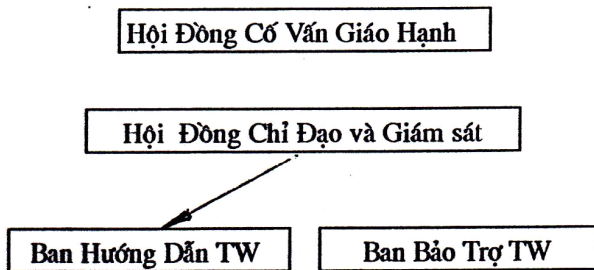
PT





SANTA ANA - CALIFORNIA : Đại Hội Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ kỳ V / 1996, đã tổ chức tại Tu Viện Hoa Nghiêm, 5424 W. First St. Santa Ana CA. 92703 từ Thứ Năm 4-4-1996 đến Chủ Nhật 7-4-1996, Đại Hội đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp.

Về cơ cấu Tổ chức đại cương có thay đổi như sau:



Về Hội Đồng Cố Vấn Giáo Hạnh, Ban Hướng Dẫn TW sẽ cung thỉnh sau.

Thành Phần Hội Đồng Chỉ Đạo và Giám Sát gồm có Quý Anh Chị :

HTTr. Cấp Tấn HỒNG LIÊN Phan Cảnh Tuấn
 HTTr. Cấp Tấn TÂM HUÊ Cao Chánh Hựu
 HTTr. Cấp Tấn TÂM HUÊ Đoàn Thị Kim Cúc
 HTTr. Cấp Tấn NGUYỄN PHƯƠNG Hoàng Trọng Cang
 HTTr. Cấp Tấn LÊ TỪ Nguyễn Thị Thu Nhi
 HTTr. Cấp Tấn TÂM CHÁNH Phạm Thị Hoài Chân
 HTTr. Cấp Tấn MINH HOÀ Nguyễn Văn Bình

Thành phần Ban Hướng Dẫn TW gồm có :

Trưởng Ban A. NGUYỄN TINH

Trần Tư Tín

Phó TB Truyền Thống & Xã Hội (Dành cho Liên Đoàn HTTT)

Phó TB Quản Trị & Điều Hành A. NHƯ THÔNG Phan Duy Thanh

Phó TB Nghiên Cứu & Huấn Luyện C. TÂM PHÙNG Đoàn Thị Bướm

và 18 Ủy viên khác.

Ban Chấp Hành và toàn thể thành viên Á Hữu GDPT Vinh Nghiêm Hải Ngoại kính chúc quý Huynh Trưởng trong Hội Đồng Chỉ Đạo & Giám Sát, Ban Hướng Dẫn TW GDPT Việt Nam Tại Hoa Kỳ, Ban Bảo Trợ TW thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành.

Rất tiếc, Ban Chấp Hành Liên Đoàn Huynh Trưởng Truyền Thống Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hoa Kỳ không tham dự vì trước ngày Đại Hội, Ban Hướng Dẫn TW và Ban Chấp Hành Liên Đoàn có một buổi họp, nhưng chưa cắt được sợi tóc cách biệt về quan điểm tổ chức. Theo Liên Đoàn Huynh Trưởng Truyền Thống thì Liên Đoàn và BHDTW là 2 tổ chức nằm dưới Hội Đồng Chỉ Đạo và Giám Sát còn BHDTW muốn Liên Đoàn nằm trong BHDTW, sợi tóc cách biệt này Đại Hội giao cho Hội Đồng Chỉ Đạo & Giám sát giải quyết, hy vọng sẽ có một biện pháp dung hòa, để hợp nhất GDPTVN.

Theo như chúng tôi được biết, trong Hội Trường, Ban Tổ chức Đại Hội có dành một chỗ cho Phái đoàn Á Hữu Gia Đình Phật Tử Vinh Nghiêm Hải Ngoại, Ban Chấp Hành Á Hữu Gia Đình Phật Tử Vinh Nghiêm Hải Ngoại lấy làm tiếc đã không có tham dự vì : Trong những Văn kiện tổ chức Đại Hội không có quy định Phái đoàn Á Hữu GDPT Vinh Nghiêm và cũng không có thư nào mời Ban Chấp Hành Á Hữu GDPT Vinh Nghiêm tham dự Đại Hội. Cho nên về sự vắng mặt này đã để lại những cảm nghĩ không tốt cho Á Hữu Vinh Nghiêm. Ban Chấp Hành xin đính chánh về việc này và nghĩ rằng có lẽ Ban Tổ Chức Đại Hội quá bận rộn nên quên gửi thư mời hay có gửi nhưng thư đã bị thất lạc. Có thể trường hợp thứ hai đã xảy ra. Tuy nhiên, anh Trưởng Ban Chấp Hành Ngô Mạnh Thu đã có tới tham dự Đại Hội theo thư mời cá nhân.

Theo tin nhận được, Đại Hội đã quyết định thăng cấp TẤN cho 13 Huynh Trưởng, riêng về Hội Đồng Chỉ Đạo và Giám Sát có 7 Anh, Chị, trong đó có 3 Huynh Trưởng là thành viên Nhóm Á Hữu và Chị Hoài Chân trước đây là Ủy viên trong Ban Hướng Dẫn GDPT Miền Vinh Nghiêm.

* Trước Đại Hội Huynh Trưởng GDPT VN THK kỳ V/1996, Ban Hướng Dẫn TW GDPT Việt Nam Tại Hoa Kỳ đã thành lập một Hội Đồng Xét Cấp Huynh Trưởng. Hội Đồng này gồm có :

Chủ Tịch TÂM HUÊ Cao Chánh Hựu

Phó Chủ Tịch TÂM KIỂM Bạch Hoa Mai

Thư Ký LÊ TỪ Nguyễn Thị Thu Nhi

Ủy Viên HỒNG LIÊN Phan Cảnh Tuấn

- TÂM HUÊ Đoàn Thị Kim Cúc

- NGUYỄN PHƯƠNG Hoàng Trọng Cang

Chào mừng thành viên mới của Á Hữu GDPT Vinh Nghiêm Hải Ngoại : Anh VÕ VĂN PHÚ (GDPT Giác Minh)

Địa chỉ : 264 Church St. Madison, MS. 39110 - Phone # (601) 853-9831

TÀI BÀN VỀ KINH NGŨ

Thanh Liên

Trải qua hàng chục năm rồi, Hán tạng kinh điển đã được các bậc danh Tăng, trí giả phiên âm Hán Việt hoặc dịch ra Việt ngữ, nhằm mục đích hoàng dương chánh pháp theo đà phát triển của Việt ngữ, cũng để khôi phục lại nền Phật học nước nhà ở buổi về chiều của nền Hán học Việt Nam.

Phong trào chấn hưng Phật Giáo, các Hội đoàn lần lượt được thành lập, trước tiên trong Nam có Hội Lục Hòa (1920), Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học (1930), Thiền Tông Giáo Hữu Hội (1931), Hội Lương Xuyên Phật Học (1933), ở Trung có Hội An Nam Phật Học (1932), ở Bắc có Hội Việt Nam Phật Giáo (1934). Các Hội đều có tạp chí Việt ngữ để thông tin và truyền bá Phật học, trong Nam có Pháp Âm, Phật Hóa Tân Thành Niên, Từ Bi Âm, Duy Tâm, ở Trung có tờ Viên Âm, Phật Học Tùng Thư, ở Bắc có tờ Đuốc Tuệ, Bồ Đề Tân Thanh, Tiếng Chuông Gọi Sớm.

Nhờ đó, Kinh điển được in theo lối phiên âm Hán Việt, và dần dần theo đà phát triển đó, một số kinh được dịch nghĩa để làm thỏa mãn các nhà nghiên cứu Phật học không thông hiểu Hán văn, giúp cho Phật tử biết chữ Quốc ngữ dễ tụng kinh, hiểu nghĩa ngũ hầu theo đó mà tu học. Về Phật học giáo lý vi diệu, cao siêu còn Hán tự thì xúc tích, một chữ tại có nhiều nghĩa. Ví dụ chữ TỬ () có 12 nghĩa, có 2 nghĩa gần trái nhau như một nghĩa là Con, còn nghĩa khác là bậc Thầy như Khổng tử, Mạnh Tử ..., cho nên dịch Hán tạng Kinh điển ra Việt ngữ, người dịch phải lão thông Hán Văn, tham bác Phật học mới có thể làm cho bản Kinh được sáng sủa, ý nghĩa rõ ràng, tinh xác; nếu không, đương nhiên bản dịch sẽ tối nghĩa hay sai hẳn nghĩa, có khi dẫn đến đi ngược lại giáo lý Đạo Phật.

Chỉ riêng bài Khai Kinh, hàm xúc ý nghĩa, khi dịch ra Việt ngữ theo thể văn vần, có nhiều bản dịch khác nhau, nguyên văn âm Hán Việt :

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,

Bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ.

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,

Nguyện giải Như Lai chơn thật nghĩa.

Nhà Phật học Đoàn Trung Còn đã dịch nghĩa trong Kinh Duy Ma Cật như sau:

Pháp màu của Phật sâu thẳm và cao diệu không chi sánh bằng,

Cho đến trăm ngàn muôn kiếp cũng khó mà gặp được.

Nay tôi thấy nghe và được thọ trì,

Nguyện rõ nghĩa chơn thật của Đức Như Lai.

Hoà Thượng Trí Tịnh đã dịch trong Kinh Pháp Hoa:

Pháp vi diệu rất sâu vô lượng,

Trăm nghìn muôn ức kiếp khó gặp.

Tôi nay thấy nghe được thọ trì,

Nguyện hiểu nghĩa chơn thật của Như Lai.

Thượng Tọa Tuệ Hải dịch trong Kinh Pháp Hoa giống y như bản Kinh Thủy Sám của ông Thiền Chửu.

Pháp Phật cao siêu rất nhiệm màu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được;

Nay tôi thấy nghe, được thọ trì,

Nguyện hiểu nghĩa chơn thật Như Lai.

Ngài Tuệ Nhuận dịch trong Kinh Dược Sư :

Pháp này màu nhiệm rất cao sâu,

Ức kiếp muôn đời chưa dễ gặp.

Nay được thấy nghe, được thọ trì,

Con thề giải nghĩa Chơn - Như - Phật.

Thượng Tọa Huyền Dung dịch trong Kinh Từ Bi Tam Muội Thủy Sám :

Chánh Pháp sâu xa rất nhiệm màu !

Trăm ngàn ức kiếp cũng khó gặp,

Con nay thấy nghe xin thọ trì,

Nguyện hiểu nghĩa chơn của Như Lai.

Ông Đoàn Trung Còn dịch trong Chư Kinh Tập Yếu :

Pháp màu cao thượng chẳng chi trên,

Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được;

Nay tôi thấy nghe, được thọ trì,

Nguyện hiểu chơn nghĩa của Như Lai.

Hòa Thượng Tuệ Đăng dịch trong Kinh Vu Lan :

Vội vạy không trên pháp thâm sâu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó tầm cầu.

Con nay nghe dặng chuyên trì niệm,

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu.

Minh Trục thiền sư dịch trong Thiền Môn Nhật Tụng:

Không bậc nào hơn phép nhiệm màu,

Ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.

Tôi nay nghe thấy lòng vâng giữ,

Xin giải y lời Phật nghĩa sâu.

Thiền sư Nhất Hạnh dịch trong Nghi Thức Tụng Niệm :

Pháp Bụt cao siêu màu nhiệm

Cơ duyên may được thọ trì

Xin nguyện đi vào biển Tuệ

Tinh thông giáo nghĩa huyền vi

Trừ bản dịch văn xuôi trong Kinh Duy Ma Cật của ông Đoàn Trung Còn, theo thiền nghĩ của chúng tôi, bản dịch của Hòa Thượng Tuệ Đăng là có giá trị hơn cả vì dịch trọn nghĩa.

Nhưng các Kinh, có những đoạn, những câu mà nghĩa lý bản dịch đôi khi đối chọi nhau, chẳng hạn như trong Kinh Pháp Hoa, Quyển 4, phẩm 12 : Phẩm Đề Bà Đạt Đa, đoạn

nói về Long nữ, Hòa Thượng Trí Tịnh dịch ... *Long nữ nói : " Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó ",* Thượng Tọa Trí Hải cũng dịch cùng một ý ... *Nàng nói : " Ngài dùng sức thần thông xem tôi thành Phật còn nhanh hơn thế ",* Trong khi ông Đoàn Trung Còn lại dịch ... *Cô Công chúa nói : " Này Xá Lợi Phất ơi ! Phải chỉ tôi có thần lực, tôi đắc thành quả Phật còn mau hơn nữa. Như vậy không ai nhận hột châu báu ấy được ".*

Chư Tăng (ông Đoàn Trung Còn về sau thí phát, quy y có pháp danh là Hồng Toại) dịch còn có những sai biệt như vậy, Phật tử đọc kinh âm Hán Việt sẽ hiểu nghĩa xa rời đến thế nào ! Chữ Hán là chữ tượng hình, hàm xúc ý nghĩa, diễn đạt được hết các ý tưởng Triết lý, Văn chương; thêm vào đó, cổ văn Trung Quốc không có chấm, phẩy làm cho người đọc chính bản văn còn có khi nhầm lẫn, nghĩa lý trái ngược nhau. Vậy ngày nay Phật Tử hầu hết không thông thạo Hán văn, làm sao hiểu hết ý nghĩa kinh, cho nên nhiều người tụng trọn thời Di Đà hay Phổ Môn, để cầu siêu, cầu an, họ làm sao hiểu được từng đoạn kinh, cốt tuỷ kinh, những lời Phật đã dạy ? !

Về cách hành văn xưa của Trung Quốc, để nói về nghĩa lý cao xa, người ta thường hay nhắc đến chuyện về tờ di chúc của một ông già để của cho con, chuyện kể: Có một ông lão nọ, đến 70 tuổi mới có con trai, khi ông sắp mất, con trai ông còn nhỏ, người rể thì khôn ngoan, ông sợ sau khi ông mất, người rể sẽ đoạt gia tài, ông viết chúc thư như sau : *" Dư kim thất thập tuế đắc nhất nam nhi phi ngô tử giả kỳ gia tài giao dữ tể ngoại nhân bất đắc xâm tranh "*

Khi ông già này chết, người rể trình làng chúc thư theo nghĩa : *" Nay tôi bảy mươi tuổi, sinh được một trai không phải là con tôi, gia tài này giao cho rể, người ngoài không được tranh giành",* người rể do đó được hưởng gia tài, lo vun bón ruộng vườn ngày một sung túc hơn, khi người con trai lớn khôn, cậu ta tên Phi, đến cửa quan trưng bằng có xin hưởng gia tài, vì chúc thư có nghĩa như sau: *" Nay tôi bảy mươi tuổi, sanh được một trai, con tôi tên Phi, gia tài này giao cho nó, rể là người ngoài không được tranh giành. Đây mới đúng là nghĩa của chúc thư, thế là cậu con ông lão tên Phi, được cửa quan phân xử cho hưởng gia tài. Có sách viết : " Bát thập lão ông sinh nhất tử nhơn ngôn phi thị ngô tử giả gia sản diên viên tận phó dữ nữ tể ngoại nhân bất đắc tranh chấp "* Tuy có thay đổi đôi chút chi tiết nhưng nội dung vẫn như trên. Chuyện này có đăng trong Bao Công Kỳ Án.

Về Văn chương Trung Quốc, khi nói đến việc chọn chữ cầu kỳ, không thể không nói tới bài thơ của Vương An Thạch, ông là Tể tướng, là triết gia mà cũng là bậc thi nhân:

Minh nguyệt sơn đầu khiếu,

Hoàng khuyến ngọa hoa tâm.

Người ta thường hiểu theo nghĩa : Minh nguyệt là trăng sáng, sơn đầu khiếu là kêu ở trên núi; hoàng khuyến là con chó vàng, ngọa hoa tâm là nằm trong tâm của cái hoa. Trăng làm sao kêu ? Chó làm sao nằm trong cái hoa ?! Cho nên nhà thơ Tô Đông Pha nghe cũng nghịch tai, đã sửa lại :
Minh nguyệt sơn đầu chiếu,

Hoàng khuyến ngọa hoa âm.

Bài thơ dưới tài của Tô Đông Pha, ông chỉ sửa có hai chữ, thơ trở nên hay hơn, nghĩa trở thành hữu lý : Trăng sáng trên ngọn núi, con chó vàng nằm ở bóng hoa.

Oái oăm thay, về sau Tô Đông Pha ra làm quan bị phạm lỗi, Vương An Thạch thừa tướng đương quyền, để cho Tô Đông Pha có dịp học hỏi, nên đã đề nghị vua vời ra một nơi, đến đó một thời gian Tô Đông Pha mới biết có giống chim tên là Minh Nguyệt và có con sâu tên là Hoàng Khuyến, cho nên bài thơ của Vương An Thạch có nghĩa như sau : Con chim Minh Nguyệt kêu ở trên núi và con sâu Hoàng Khuyến nằm trong tâm cái hoa. Bài thơ như thế, dùng chữ rất cầu kỳ.

Như vậy chúng ta thấy chữ Hán xúc tích, nghĩa lý sâu rộng, chính người có học mà còn hiểu chưa thấu đáo cho nên những người không học làm sao hiểu hết được ý nghĩa cao siêu.

Xin gát lại vấn đề chư Tăng tụng Kinh ở các Tự, Viện; trong giới cư sĩ tụng Kinh Sám Hối, Di Đà, Phổ Môn bằng Việt ngữ, còn gọi là Kinh nghĩa, chúng tôi thấy có quyển Kinh Tam Bảo của Hòa Thượng Trí Tịnh dịch gồm có Kinh A Di Đà, Hồng Danh Bửu Sám, Vu Lan Bồn, Phổ Môn và Kim Cang. Giáo Đoàn Khất sĩ có soạn một quyển Kinh Nhật Tụng, hầu hết là văn vần, trong ấy có cả Kinh A Di Đà, Phổ Môn, Hồng Danh Bửu Sám, Vu Lan... Ngài Minh Trục Thiền sư cũng có soạn một quyển Kinh Nhật Tụng in năm 1948, trong ấy có Kinh Lăng Nghiêm, A Di Đà, Phổ Môn, Hồng Danh Bửu Sám, Thượng Tọa Quảng Liên cũng có soạn một quyển Kinh như Kinh Tam Bảo. Thiền sư Nhất Hạnh có soạn một quyển Nghi Thức Tụng Niệm, toàn bằng quốc văn do nhà xuất bản Lá Bối ở California phát hành năm 1989, trong đó có Nghi Thức Công Phu Hàng Ngày, Nghi Thức Hộ Niệm Siêu Độ và các nghi thức, kinh khác.

Tuy nhiên, đa số Phật tử đều dùng một trong hai quyển Kinh để hiệp tụng Cầu An, Cầu Siêu. Đó là Kinh Nhật Tụng do Hương Đạo xuất bản, đây là quyển Kinh âm Hán Việt, còn quyển Nghi Thức Tụng Niệm do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ấn hành, các nghi thức dâng hương, tán phạt, cầu nguyện đều tụng theo Việt ngữ còn gọi là Kinh nghĩa nhưng Kinh Di Đà hay Phổ Môn quyển này vẫn dùng âm Hán Việt. Như vậy dùng một trong hai quyển Kinh kia để Cầu Siêu hay Cầu An, tụng toàn âm Hán Việt như thế ai hiểu được nghĩa lý để làm theo lời Phật dạy ? Cho nên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam cần soạn một Nghi Thức Tụng Niệm

trong đó toàn bằng Quốc văn từ Nguyễn hương cho đến Tam tự quy, trừ các bài chú (*).

Muốn tụng Kinh cho thật có lợi ích, chúng ta nên dùng K. của Thiền sư Nhất Hạnh, hoặc Kinh Tam Bảo của Hòa Thượng Trí Tịnh hay Kinh Nhật Tụng của Thượng Tọa Quảng Liên, tụng những quyển Kinh này, chúng ta hiểu được lời Phật dạy để từ đó tu học được tinh tấn hơn.

Phật lịch 2533, ngày 11-7-1989

Ghi chú : * Chú là linh ngữ hay mật ngữ, chúng ta cần phải đọc cho đúng âm của nó, việc này cần được tổ chức phiên âm có hệ thống, quy củ, tinh xác. Những bài chú chúng ta thường đọc, âm có vẻ khác nhiều với Phạn âm. Ví dụ Lục Đại Minh Chơn Ngôn: Om ma-ni bát-mi hum thay vì Ấn ma ni bát mi hồng còn Chú Bát Nhã Ba La Mật Đa : Ga-tê ga-tê pa-ra-ga-tê pa-ra-sa-mơ-ga-tê Bồ-đi Soa-ha.

Chú Đại Bi có thể lấy bài do ông Mai Thọ Truyền phiên âm đăng trong Từ Quang Tạp chí số 145 phát hành tháng 9 năm 1964, chúng tôi có đăng lại trong Phật Học số 7, nhiều Kinh in bài Chú này bị sót mất 5 âm, trong đoạn ...a *thệ dụng, tát bà tát đa, Na ma bà tát đa, na ma bà già...*, tuy nhiên không phải thêm cho đủ, chính là cần phải đọc âm cho đúng.

Tài Hồi Hương hầu hết đều chẳng có dịch nghĩa, chúng tôi tìm thấy 2 bài, một trong Thiền môn Nhựt Tụng như sau:

Tụng Kinh công đức lớn muôn vàn
Hồi hương phước lành độ thế gian
Nguyện cả chúng sanh trong pháp giới
Kíp sanh Tịnh độ cõi Tây phang
Não phiền ba chướng đều tiêu hết
Trí huệ sanh liền, Phật tánh an
Kiếp kiếp thường hành Bồ Tát đạo
Đời đời trực vãng cõi thanh nhàn
Sen vàng thêm hóa vô sanh ngộ
Phật hiện kim thân thấy rõ ràng
Bồ tát bạn lành duyên kết chặt
Tu hành tinh tấn chẳng từ nan
Nguyện truyền bốn biển toàn công đức
Cứu độ muôn loài khỏi khổ than
Nguyện cả chúng sanh trong lục đạo
Cùng là đệ tử quả viên thành.

Bài khác trong Nghi Thức Tụng Niệm của Giáo Hội Khất sĩ Việt Nam:

Tụng kinh công đức tuyệt vời
Ước đem hồi hương khắp người gần xa

Chúng sanh pháp giới Ta bà
Mau về cõi Phật Di Đà Tây thiên
Nguyện tiêu tam chướng não phiền
Nguyện thành trí tuệ vô biên tuyệt vời
Nguyện bao nghiệp tội xa rời
Nguyện hành Bồ tát đời đời độ xa
Nguyện về Tịnh độ nước nhà
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình
Hoa khai ngộ pháp vô sanh
Bất thối Bồ tát bạn lành dựa nương
Nguyện đem công đức lành
Hồi hương cho tất cả
Hương linh với chúng sanh
Đều chứng thành Phật quả.

Thiền sư Nhất Hạnh soạn như sau :

Trí tụng kinh thâm diệu
Tạo công đức vô biên
Đệ tử xin hồi hương
Cho chúng sanh mọi miền

*

Pháp môn xin nguyện học
Ân nghĩa xin nguyện đền
Phiền não xin nguyện đoạn
Quả Bụt xin chứng nên.

Chúng tôi cũng góp dịch bài Hồi hương này :

Tụng kinh công đức tuyệt vời,
Được bao nhiêu phước xin hồi hương chung.
Nguyện cho hết thảy chúng sanh,
Mau về cực lạc an lành dài lâu.
Nguyện tiêu ba chướng, trừ sầu,
Nguyện cho trí tuệ sáng lâu thêm hơn.
Nguyện bao tội chướng sạch trơn,
Đời đời Bồ tát đạo chơn thật hành.
Tây phương cõi tịnh nguyện sanh,
Hoa sen chín phẩm làm thành mẹ cha.
Hoa nở thấy Phật Di Đà,
Thấy luôn vạn vật đầu mà có sanh.
Thấy chư Bồ tát bạn lành,
Nguyện đem công đức làm thành quả chung
Tôi cùng cả thảy chúng sanh,
Vườn tròn Phật đạo đều thành quả chơn.

*

* *

Soạn tại Sài Gòn ngày 12-7-1989,
Hiệu chỉnh tại Louisville ngày 5-4-1996

PHÂN ƯU

Được tin trẻ Thân Mẫu của Huỳnh Trưởng

TÂM HUỆ ĐOÀN THỊ KIM CÚC

Cố Vấn Nhóm Ái Hữu Gia Đình Phật Tử Vĩnh Nghiêm Hải Ngoại

Là

Cụ Bà **TÂM LỘC PHẠM THỊ KHOÁI**

đã tạ thế ngày 11 tháng 03 năm 1996

tại Orlando Florida

HƯƠNG THỌ 94 TUỔI

thành kính phân ưu cùng Huỳnh Trưởng TÂM HUỆ và tang quyến
nguyện cầu Hương Linh Cụ vãng sanh cực lạc quốc



Ban chấp hành cùng toàn thể thành viên nhóm ái hữu

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VĨNH NGHIÊM HẢI NGOẠI

ĐỒNG KÍNH PHÂN ƯU



Bài 2

CHUYỆN BÀ ĐẠO PHẬT

PHẬT TRƯỞNG

I. - KHI PHẬT CÒN TẠI THẾ :

Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đi nhiều nước trong xứ Ấn Độ để giáo hoá chúng sanh, trước tiên Ngài độ cho các ông Kiều Trần Như, sau đó Phật độ cho 3 Anh em ông Ca Diếp là Ưu Lâu Tần La Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Già Da Ca Diếp cùng 1000 đồ đệ của họ, vua Tần Bà Xà La nước Ma Kiệt Đà xây Trúc Lâm Tịnh xá ở ngài Vương xá thành và Linh Thứu Tịnh xá ở núi Kỳ Xà Quật để Phật giảng đạo, nơi đây Ngài đã độ cho ông Đại Ca Diếp, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên với 250 đồ đệ của ông Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất, lúc này đã có trên 1250 vị đệ tử xuất gia trong Giáo đoàn của Phật.

Khi vua Tịnh Phạn bệnh, Đức Phật trở về thăm, Ngài đã giáo hoá cho phụ vương, thâu nhận những đệ tử như con Ngài là La Hầu La, em khác mẹ là Nan Đà, em họ là A Nan Đà, Đề Bà Đạt Đa, A Nậu Lâu Đà.

Sau Đức Phật đi tới Vương xá thành, nước Kiều Tát La, có Thái Tử Kỳ Đà và Trưởng giả Tu Đạt Đa cùng xây Kỳ viên Tịnh xá cũng còn gọi là Kỳ Đà Cấp Cô Độc viên để cúng dường Phật làm nơi thuyết Pháp, còn nhiều nước khác cũng xây Tịnh xá cho Phật thuyết pháp, nhưng hai nơi Ngài thường An cư Kiết hạ và thuyết pháp đó là Trúc Lâm Tịnh xá và Kỳ viên Tịnh xá.

Sau khi Phật thành đạo được 5 năm thì vua Tịnh Phạn mất, Đức Phật nhận cho kế mẫu là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề và công chúa Gia Du Đà La xuất gia, đây là hai phụ nữ đầu tiên được Phật thu nhận làm đệ tử và đến lúc đó trong Giáo đoàn của Ngài có đủ Tứ chúng, hai chúng xuất gia : Tỷ Khưu, Tỷ Khưu Ni; Hai chúng tại gia : Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Có 10 đệ tử trụ danh của Phật gọi là Thập đại đệ tử, đó là Xá Lợi Phất bậc đại trí tuệ, Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, Đại Ca Diếp tu định đệ nhất, Ca Chiên Diên nghị luận đệ nhất, (giai cấp Bà La Môn), A Nan Đà đa văn đệ nhất, A Nậu Lâu Đà thiên nhãn đệ nhất, La Hầu La mặt hạnh đệ nhất (giai cấp Sát Đế Ly), Tu Bồ Đề giải thông đệ nhất, Phú Lâu Na biện tài đệ nhất (giai cấp Tỷ Xá), Ưu Ba Ly trì luật đệ nhất (giai cấp Thủ Đà La).

Những vị hộ pháp trụ danh có Vua Tần Bà Xà La, vua A Xà Thế nước Ma Kiệt Đà, vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, Trưởng giả Tu Đạt thành Xá Vệ, bên nữ có Hoàng hậu Vi Đề

Hi, vợ vua Tần Bà Xà La, mẹ vua A Xà Thế, bà Mạt Lợi, bà Thắng Man, bà Thiện sinh vợ của Trưởng giả Tu Đạt ...

Về cách thức thuyết pháp, Phật hay dùng phương pháp đối thoại và thí dụ để cho người nghe dễ hiểu, về nội dung tùy theo trình độ căn cơ mà Phật thuyết pháp từ thấp cho tới cao, từ nông cạn cho tới thâm sâu, từ phàm phu trở thành Phật.

II. - SAU KHI PHẬT NHẬP NIẾT BÀN :

1.- CÁC LẦN KẾT TẬP KINH ĐIỂN

Sau khi Phật tịch diệt 7 ngày, trong Tăng chúng có người cho rằng: ' Lúc Phật còn tại thế, giới luật ràng buộc, nay Phật đã nhập Niết Bàn rồi; tự do hành động, không bị giới luật ràng buộc nữa '. Do đó Tôn Giả Ca Diếp đã được Đức Phật truyền Y, Bát nên Ngài xướng lên mở Đại Hội Nghị để kết tập những lời Phật đã dạy. Vua A Xà Thế cho xây Tịnh xá trong hang Thất diệp ở nước Ma Kiệt Đà của Ngài để làm Hội trường kết tập. Hội nghị có 500 vị đã chứng quả A La Hán tham dự, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp làm Thượng Thủ, Ngài Ưu Bà Ly được cử tụng giới luật, Ngài A Nan được cử tụng lại các Pháp của Đức Phật. Sau khi tụng xong, đại chúng thảo luận và thừa nhận là đúng lời Phật đã nói. Hai tạng Kinh, Luật có từ đó. Lần kết tập này còn có tên là ' Vương Xá thành kết tập ' hay ' Ngũ bách kết tập ', đã kéo dài trong 7 tháng, toàn bộ nội dung không có ghi chép.

Phật nhập Niết Bàn được 100 năm thì có lần Kết tập kỳ II, nguyên nhân vì trong Tăng chúng chia làm hai khối, một khối chủ trương quý trọng lời truyền thừa và hoà hợp gọi là ' Bảo Thủ ', một khối lại hướng về phong phú và tự do gọi là Tân tiến, họ có đưa ra 10 điều luật canh tân. Do đó, trưởng lão Đa Xá đã vận động mở Hội Nghị, có 700 vị Tỷ kheo họp tại thành Phệ Xá Ly, Phía Đông và Phía Tây mỗi bên cử ra 4 vị đại biểu để chủ tọa việc điều giải các dị kiến, trưởng lão Ly Bà Đa nêu ra từng điều trong 10 điều của phái Tân tiến để hỏi hợp pháp hay phi pháp, trưởng lão Tát Bà Cu Ma y cứ vào giới luật trả lời từng điều là phi pháp. Và Hội nghị cũng đã họp tụng suốt 8 tháng Kinh tạng và Luật tạng.

Một số lớn Tăng chúng phía Đông thuộc khối Tân Tiến không hài lòng về 10 điều phi pháp trên, được đại chúng ủng hộ, thành lập riêng một Đại hội họp ở nơi khác để kết tập Kinh điển, gọi là Đại kết tập hay Đại chúng kết tập. Giáo Đoàn Phật giáo đã chia thành Thượng Tọa bộ là phái bảo thủ và Đại chúng bộ là phái canh tân. Phật giáo đã phân phái từ đây.

Khoảng 218 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn tức là năm 254 TTL, Giáo Đoàn Phật giáo đã chia thành nhiều phái, ngoại đạo trà trộn tư tưởng vào, gây nhiều mối phân tranh, trong chúng không hoà hợp, Vua A DUC (ASOKA - lên ngôi năm 272 và mất năm 232 TTL), là một vị vua mộ đạo, vua muốn chính đốn lại đạo Phật nên Ngài đã mở cuộc khảo hạch Tăng già, đuổi ra khỏi Giáo đoàn những người không thông giáo lý. Vua thỉnh Ngài Mục Kiền Liên Tử Đế Tu (Moggaliputta Tissa) làm chủ tọa và triệu tập 1000 cao tăng dự Đại Hội kết tập Kinh điển tại Hoa Thị thành. Kỳ kết tập này có Ngài Đế Tu đưa ra ‘ Thuyết sự ‘ (Kathavattnu) do Ngài sáng tác để thuyết minh sự lý luận giữa ngoại đạo với Phật giáo, nó trở thành Luận Tạng; TAM TẠNG kinh điển có từ đây, lần kết tập kỳ III này cử hành trong 9 tháng, cũng không có ghi chép kinh điển. Vua A Dục còn có công truyền bá Phật giáo qua Tích Lan, Miến Điện và Thái Lan.

Tương truyền rằng Vua Ca Nhị Sắc Ca - KANISHKA (78BC-101AC) là một vị vua mộ đạo Phật, mỗi ngày vua thỉnh một vị Tăng vào cung để nghe Pháp, đích thân duyệt lãm kinh điển, thấy nhiều chỗ nghĩa lý không giống nhau, đem hỏi Hiếp Tôn Giả (Pàrsva), Ngài giảng rằng vì Phật giáo có nhiều phái khác nhau nên giáo nghĩa khác nhau; Vua biết thế liền cùng Hiếp Tôn Giả tổ chức kết tập kinh điển. Trước hết vua chiêu tập 500 vị học giả tinh thông Tam Tạng kinh điển hội họp tại Tịnh xá Hoàn lâm nước Kasmitra. Ngài Thế Hữu (Vasumitra) làm Thượng thủ và có các Đại Đức Pháp Cưu (Dharmatràta), Diệu Âm (Ghosa), Giác Thiên (Buddhadeva) và Hiếp Tôn Giả. Hội nghị kết tập kỳ IV này, lần đầu tiên kinh điển được khắc vào bảng đồng, gồm 300.000 bài tụng với 6.600.000 chữ, phải xây một ngôi nhà để tàng trữ kinh. Hội nghị kéo dài trong 12 năm.

Năm 1870 , cách Phật nhập Niết Bàn 2414 năm, tại Mandalay Miến Điện có một Đại Hội kết tập kinh điển kỳ V.

Sau 2498 năm Phật Nhập Niết Bàn, tại thạch động Maha Pasana Guha cách Kinh đô Rangoon 12 cây số ngàn, thuộc Miến Điện đã khai mạc Hội nghị kết tập kỳ VI từ 21-5-1954 đến 25-5-1956, lần này có cả thầy 2500 Tỳ kheo của các nước Phật giáo trên thế giới tới dự, dưới sự chủ tọa của vị Tăng Thống Phật Giáo. Thế thức lần này cũng như lần đầu, ngoài Chủ tọa, có hai vị Thượng Tọa ‘ Vần, Đáp ‘ các đoạn Kinh, Luật, Luận.

2.- PHẬT GIÁO Ở ẤN ĐỘ.

Sách tham khảo : Lược sử Phật giáo Ấn Độ, Thích THANH KIỂM, Vạn Hạnh xuất bản 1963.

Ấn độ là nơi Đức Thế Tôn giáng sinh, Ngài đã đi nhiều nước miền Bắc Ấn để hóa độ chúng sinh trong 50 năm, sau khi Phật Nhập Niết Bàn Tăng chúng đã tiếp nối truyền bá Giáo lý của Phật, lại có những thời kỳ được vua A Dục, C Sắc Nhị Ca hộ đạo, làm cho Phật giáo hưng thịnh, về sau vào đầu thế kỷ VIII, Hồi giáo bắt đầu đánh phá miền Trung Ấn và đến năm 1203, Hồi giáo đem đại quân tiến vào chiếm Trung Ấn, mục đích thành lập đế quốc Hồi giáo và bành trướng đạo Hồi nên họ rất tàn ác, phá huỷ chùa tháp, đốt kinh điển, hãm hại Tăng ni, Các vị cao tăng phải chạy sang lánh ở Tây Tạng hay ẩn thân vào rừng sâu núi thẳm, Phật giáo Ấn độ đi đến sự suy vong.

Vào khoảng năm 1876, Phật Giáo Tích Lan đã chấn hưng nhờ sự hô hào của Đại Tá Hải Quân Mỹ Henry Stealle Ocott - người đã sáng chế ra lá cờ Phật giáo Thế giới -. Sau đó năm 1921, có nhà Phật học Tích Lan uyên thâm Anagarika-Dharmapala [từng theo giúp việc cho Đại Tá Ocott], ông sang thăm viếng các Phật tích, thấy tình hình Phật giáo Ấn độ đã suy tàn, ông quyết định cần phải phục hưng, nên đứng ra lập Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Society of India), từ Hội này Phật giáo Ấn độ đã phục hưng. Theo tài liệu của Liên Hiệp Quốc năm 1957, Ấn độ có 392 triệu dân, có chừng 4 triệu Phật Tử.

III .- PHẬT GIÁO TRUYỀN BÁ SANG NƯỚC KHÁC :

Phật giáo từ Ấn độ, truyền sang Phương Bắc, dùng kinh điển chữ Phạn, còn gọi là Bắc Tông theo Đại Thừa , trước tiên truyền vào Tây Tạng từ khoảng giữa thế kỷ III, rồi từ đó truyền sang Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Riêng ở Việt Nam, có nhiều vị sư Ấn độ theo lái buôn, họ đi đường biển sang truyền đạo trực tiếp ở Việt nam .

Dưới triều đại vua A Dục, nhà vua phái Trưởng lão Mahinda, đem Phật giáo truyền sang Tích Lan, sau lại có con gái vua A Dục mang một cây Bồ đề giống nơi Đức Phật thành đạo đến trồng ở Tích Lan, Phật giáo theo đây gọi là Nam Phương theo Tiểu Thừa, kinh điển dùng chữ Ba ly, từ đây Phật giáo truyền sang Miến Điện, Thái Lan, Lào và Cam pu chia và Việt Nam.

Ngày nay Phật giáo lan truyền khắp thế giới, người ta ưa chuộng đạo Phật vì Giáo lý hợp với tinh thần tự do, khoa học và nhất là phương pháp Thiền, một phương pháp đã lôi cuốn người Tây phương để tu tập.